| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH ĐẮK LẮK | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 6709 /UBND-CN<br>V/v triển khai Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ | *Đắk Lắk, ngày 25 tháng 8 năm 2016* |

Kính gửi: Sở Xây dựng.

Triển khai Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016 - 2025, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao cho Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các với các đơn vị, địa phương liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh văn bản chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện công việc theo chức năng, nhiệm vụ của mình trên cơ sở nội dung Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và tình hình thực tế của địa phương cho phù hợp.

Nội dung Quyết định được đăng tải tại Cổng Thông tin điện tử Chính phủ **(www.chinhphu.vn)** và tỉnh Đắk Lắk **(www.daklak.gov.vn** tại mục **Văn bản pháp quy)**.

Nhận được Công văn này, Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan phối hợp triển khai thực hiện, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15/9/2016./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, NN&PTNT, TN&MT, TC, KH&ĐT, KH&CN, TT&TT, GD&ĐT;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Nước sạch và VSMTNT;
- Cty TNHH MTV Cấp nước & ĐTXD ĐL;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các P, TT: NN-MT, TT-CB;
- Lưu: VT, CN. (HT.43)

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Hà**

| THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|---|---|
| | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: 1566/QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2016* |

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỐ: 8061
ĐẾN 16-08-2016
Chuyển:

# QUYẾT ĐỊNH
## Phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016 - 2025

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016 - 2025 với các nội dung như sau:

1. Quan điểm và mục tiêu của Chương trình

a) Quan điểm thực hiện Chương trình:

- Nước sạch là một loại sản phẩm, hàng hóa đặc biệt, phục vụ nhu cầu thiết yếu của cuộc sống con người và phát triển kinh tế - xã hội.

- Cấp nước an toàn góp phần tiết kiệm tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và hướng tới phát triển bền vững.

- Thực hiện cấp nước an toàn là trách nhiệm của các bộ, ngành, chính quyền địa phương, đơn vị cấp nước và toàn thể cộng đồng.

b) Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát:

Thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn nhằm quản lý rủi ro và khắc phục sự cố có thể xảy ra từ nguồn nước, cơ sở xử lý nước và hệ thống truyền dẫn, phân phối nước đến khách hàng sử dụng; bảo đảm cung cấp nước liên tục, đủ lượng nước, duy trì đủ áp lực, chất lượng nước đạt quy định góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe con người.

- Mục tiêu cụ thể:

Huy động nguồn lực để triển khai thực hiện các hoạt động cấp nước an toàn nhằm đạt được mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn như sau:

+ Giai đoạn đến năm 2020:

. Tỷ lệ dân cư được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 90% - 95%.

. Tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực đô thị được lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 45%.

. Tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực nông thôn được lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 35%.

. Giảm thiểu lượng nước thải sinh hoạt đô thị chưa qua xử lý trước khi xả ra môi trường xuống còn 80 - 85%.

. Giảm thiểu 20% bệnh tiêu chảy liên quan tới nước ăn uống.

. 100% các tỉnh, thành phố thành lập Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn cấp tỉnh.

+ Giai đoạn đến năm 2025:

. Tỷ lệ dân cư được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 95% - 100%.

. Tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực đô thị được lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 75%.

. Tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực nông thôn được lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 50%.

. Giảm thiểu lượng nước thải sinh hoạt đô thị chưa qua xử lý trước khi xả ra môi trường xuống còn 70%.

. Giảm thiểu 30% bệnh tiêu chảy liên quan tới nước ăn uống.

2. Phạm vi, đối tượng và thời gian thực hiện Chương trình

a) Phạm vi và đối tượng:

Chương trình này được triển khai thực hiện tại các đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên phạm vi cả nước.

Đối tượng áp dụng là các hệ thống cấp nước tập trung.

b) Thời gian thực hiện Chương trình:

Thời gian thực hiện Chương trình từ năm 2016 đến năm 2025.

3. Các nhiệm vụ chủ yếu của Chương trình

a) Xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách về bảo đảm cấp nước an toàn:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật:

+ Rà soát, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành, thích ứng với biến đổi khí hậu; nghiên cứu, bổ sung trách nhiệm giữa đơn vị bán buôn, bán lẻ nước sạch; nghiên cứu quy định quản lý cấp nước trong khu chung cư, khu đô thị.

+ Nghiên cứu, xây dựng quy định về cấp chứng nhận cho hệ thống cấp nước bảo đảm cấp nước an toàn bao gồm: Tiêu chí đánh giá; tổ chức đánh giá, giám sát, kiểm tra, cấp chứng nhận và quy trình tổ chức thực hiện việc cấp chứng nhận.

+ Rà soát, điều chỉnh quy định về hướng dẫn phương pháp định giá tiêu thụ nước sạch, bổ sung các chi phí có liên quan đến thực hiện các hoạt động bảo đảm cấp nước an toàn.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật:

+ Nghiên cứu, xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật về vật tư, vật liệu và thiết bị sử dụng cho công trình cấp nước đáp ứng yêu cầu cấp nước an toàn.

+ Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn thiết kế công trình cấp nước có liên quan đến bảo đảm cấp nước an toàn.

+ Rà soát, sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước đáp ứng yêu cầu quản lý và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội; hướng dẫn quản lý và kiểm soát rủi ro về chất lượng nước theo điều kiện của nguồn nước khai thác.

b) Quản lý khai thác sử dụng và bảo vệ nguồn nước:

- Lập hành lang bảo vệ nguồn nước, xây dựng các phương án bảo vệ, cải tạo chất lượng nguồn nước khai thác đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm cấp nước an toàn.

- Nghiên cứu giải pháp lưu trữ và sử dụng nguồn nước mưa, đặc biệt tại các khu vực khó khăn về nguồn nước (vùng xâm nhập mặn, vùng đồng bằng sông Cửu Long, hải đảo và vùng núi phía Bắc, vùng Tây Nguyên, vùng duyên hải Nam Trung bộ).

- Rà soát, bổ sung các quy định về hệ thống quan trắc giám sát chất lượng nguồn nước sinh hoạt; lập phương án tìm kiếm các nguồn nước khai thác thay thế trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt đang khai thác.

- Kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm ảnh hưởng đến nguồn nước; xây dựng hệ thống cảnh báo sớm chất lượng nguồn nước.

- Xử lý nghiêm các vi phạm về xả thải, gây ô nhiễm nguồn nước, khai thác, sử dụng nguồn nước trái phép.

c) Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn và đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống cấp nước:

- Tiếp tục triển khai việc lập kế hoạch cấp nước an toàn cho từng hệ thống cấp nước và tổ chức thực hiện.

- Xác định nhu cầu và lập kế hoạch đầu tư, cải tạo hệ thống cấp nước, các hoạt động hỗ trợ thực hiện cấp nước an toàn.

- Đầu tư, cải tiến quy trình công nghệ xử lý nước hiện đại, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu; nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới về xử lý nước trong điều kiện suy thoái chất lượng nguồn nước và xâm nhập mặn.

- Đầu tư, lắp đặt thiết bị tiết kiệm năng lượng cho các trạm bơm nước thô, nước sạch; đầu tư bổ sung trạm bơm tăng áp, các thiết bị điều khiển lưu lượng, áp lực nước và kiểm soát lượng nước rò rỉ; cải tạo thay thế mạng đường ống cũ, rò rỉ.

- Đầu tư thiết bị kiểm soát chất lượng nước và bổ sung thiết bị khử trùng nước nhằm bảo đảm chất lượng nước và hàm lượng clo dư theo quy định.

- Đầu tư trang thiết bị, công nghệ và thực hiện các hoạt động hỗ trợ khác nhằm quản lý rủi ro, khắc phục sự cố.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin bảo đảm cấp nước an toàn:

- Xây dựng và hướng dẫn sử dụng phần mềm trong quản lý cấp nước an toàn phù hợp cho các đối tượng sử dụng từ đơn vị cấp nước đến các cơ quan quản lý cấp nước địa phương và trung ương.

- Ứng dụng công nghệ, thiết bị thông minh trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước: Xây dựng hệ thống điều khiển, giám sát trung tâm, quản lý đồng bộ hệ thống cấp nước từ chất lượng nguồn nước, xử lý nước, đường ống và thiết bị trên mạng đến khách hàng sử dụng nước.

- Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin theo dõi, giám sát và đánh giá cấp nước an toàn (bao gồm: Hoạt động hệ thống cấp nước; quản lý rủi ro, khắc phục sự cố; kết quả thực hiện cấp nước an toàn, nguồn nước, cấp nước nông thôn, chất lượng nước, sức khỏe, bệnh tật liên quan đến nước...); cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin về cơ sở dữ liệu cấp nước an toàn với cơ sở dữ liệu khác.

đ) Nâng cao năng lực về cấp nước an toàn:

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước:

Đào tạo, tăng cường năng lực cho cán bộ trực tiếp quản lý lĩnh vực cấp nước từ trung ương đến địa phương trong việc tổ chức quản lý thực hiện cấp nước an toàn, kiểm soát chất lượng nước, thực hiện thỏa thuận dịch vụ cấp nước trên địa bàn.

- Đối với các viện nghiên cứu, các trường đào tạo, trung tâm y tế dự phòng:

+ Biên soạn tài liệu đào tạo, nâng cao năng lực về cấp nước an toàn (sổ tay hướng dẫn lập và thực hiện cấp nước an toàn, sổ tay giám sát, đánh giá cấp nước an toàn...).

+ Rà soát, bổ sung nội dung có liên quan về bảo đảm cấp nước an toàn vào chương trình đào tạo ngành nước của các trường đại học, cao đẳng.

+ Đầu tư trang thiết bị xét nghiệm chất lượng nước cho các trung tâm y tế dự phòng, viện nghiên cứu, đơn vị cấp nước các tỉnh, thành phố đáp ứng yêu cầu kiểm soát chất lượng nước sạch.

- Đối với đơn vị cấp nước:

+ Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, người lao động trong đơn vị.

+ Tổ chức các hội thảo, hội nghị hướng dẫn, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện cấp nước an toàn.

+ Hợp tác (kết đôi, kết ba...) chia sẻ kinh nghiệm lập và thực hiện cấp nước an toàn giữa các đơn vị cấp nước.

e) Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn:

Nghiên cứu, xây dựng bộ chỉ số kiểm tra, giám sát và đánh giá việc kiểm soát rủi ro hệ thống cấp nước nhằm bảo đảm cấp nước an toàn bao gồm: Phạm vi được cung cấp bảo đảm cấp nước an toàn, các chỉ số liên quan đến kiểm soát rủi ro, chất lượng nước, chất lượng dịch vụ cấp nước (áp lực, tính liên tục...).

g) Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng:

Xây dựng kế hoạch truyền thông về bảo đảm cấp nước an toàn và triển khai thực hiện thông qua các hình thức khác nhau nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng đối với sử dụng tài nguyên nước.

h) Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế:

- Mở rộng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh, tăng cường trao đổi và hợp tác kỹ thuật với các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ;

- Tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và đào tạo trong hoạt động cấp nước, cấp nước an toàn.

4. Kinh phí thực hiện Chương trình:

Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình gồm:

a) Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước:

Ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành để thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương và các ban, ngành của địa phương.

b) Nguồn của đơn vị cấp nước; đơn vị sự nghiệp, đơn vị tư vấn cấp nước:

Đơn vị cấp nước các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị sự nghiệp, đơn vị tư vấn cấp nước sử dụng nguồn kinh phí của đơn vị mình để thực hiện các nhiệm vụ về bảo đảm cấp nước an toàn.

c) Các nguồn huy động hợp pháp khác:

Các nguồn khác huy động được ngoài ngân sách nhằm đầu tư triển khai thực hiện các hoạt động cấp nước an toàn, như: Hỗ trợ nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách, thông tin truyền thông; đầu tư, tăng cường năng lực cấp nước an toàn, thử nghiệm phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; đào tạo đội ngũ chuyên gia, cán bộ các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, nâng cao trình độ quản lý; đầu tư, cải tạo hệ thống cấp nước và trang thiết bị phục vụ cấp nước an toàn...

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện Chương trình

1. Tổ chức phối hợp liên ngành

a) Ban Chỉ đạo Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch:

Bổ sung chức năng, nhiệm vụ về bảo đảm cấp nước an toàn của Ban Chỉ đạo Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025 và đổi tên thành Ban Chỉ đạo Chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo Chương trình); bổ sung thành viên Bộ Y tế vào Ban Chỉ đạo Chương trình; kiện toàn quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo.

b) Tổ chuyên gia liên ngành:

Bổ sung chức năng, nhiệm vụ và kiện toàn quy chế hoạt động của Tổ chuyên gia liên ngành thuộc Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch. Tổ chuyên gia liên ngành có trách nhiệm giúp việc cho Ban Chỉ đạo Chương trình; tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn.

2. Trách nhiệm của các bộ, ngành

a) Bộ Xây dựng:

Bộ Xây dựng là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Chương trình, có trách nhiệm chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện Chương trình đạt hiệu quả, cụ thể như sau:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành, hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế chính sách về bảo đảm cấp nước an toàn; rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định quản lý cấp nước trong khu chung cư, khu đô thị mới; trách nhiệm giữa đơn vị bán buôn, bán lẻ nước sạch trong Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 về hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn trong đó xây dựng bộ chỉ số kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn; nghiên cứu, xây dựng hướng dẫn đánh giá mức độ hài lòng của người dân về chất lượng dịch vụ cấp nước.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm cấp nước an toàn.

- Hướng dẫn các địa phương trong công tác lập, phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện cấp nước an toàn.

- Tổ chức biên soạn giáo trình đào tạo, hướng dẫn thực hiện cấp nước an toàn.

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện các hoạt động về truyền thông, giáo dục và nâng cao năng lực về cấp nước an toàn.

- Mở rộng hợp tác quốc tế, tăng cường trao đổi kinh nghiệm, khoa học công nghệ, tài chính, đào tạo, thông tin để thực hiện Chương trình.

- Trên cơ sở báo cáo tổng kết và kế hoạch thực hiện hàng năm của các bộ, ngành, địa phương, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, lập kế hoạch hàng năm và năm năm triển khai thực hiện Chương trình, báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện cấp nước an toàn khu vực nông thôn:

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổng hợp tình hình triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên phạm vi toàn quốc.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn và chỉ đạo triển khai thực hiện.

- Xây dựng quy trình tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn hệ thống cấp nước nông thôn; thí điểm và nhân rộng mô hình cấp nước an toàn nông thôn; xây dựng kế hoạch, lộ trình và đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn của các hệ thống cấp nước khu vực nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan triển khai các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng, năng lực đơn vị cấp nước và các cơ quan quản lý cấp nước về cấp nước an toàn khu vực nông thôn.

- Báo cáo tổng kết và lập kế hoạch hàng năm việc thực hiện cấp nước an toàn khu vực nông thôn và gửi Bộ Xây dựng để tổng hợp.

c) Bộ Y tế:

Bộ Y tế chịu trách nhiệm thanh tra, kiểm tra chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt:

- Hoàn thiện các quy định, hướng dẫn về thanh tra, kiểm tra chất lượng nước; rà soát, nghiên cứu việc sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2009/BYT về chất lượng nước ăn uống và QCVN 02:2009/BYT về chất lượng nước sinh hoạt trong đó bao gồm hướng dẫn quy trình kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch bảo đảm cấp nước an toàn.

- Nâng cao năng lực về thanh tra, kiểm tra chất lượng nước cho cán bộ của các viện nghiên cứu thuộc Bộ Y tế.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện công tác truyền thông cho người dân về việc sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh góp phần phòng chống dịch bệnh.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thực hiện nghiên cứu, đánh giá, xác định mối liên quan giữa các bệnh lây truyền qua đường tiêu hóa (bệnh tiêu chảy) với nước ăn uống, sinh hoạt để có cơ sở xác định các mục tiêu cụ thể đề ra của Chương trình.

- Báo cáo tổng kết và lập kế hoạch hàng năm về việc thanh tra, kiểm tra chất lượng nước gửi Bộ Xây dựng tổng hợp.

d) Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm quản lý và bảo vệ tài nguyên nước:

- Theo dõi, quản lý việc khai thác sử dụng nguồn nước; hướng dẫn, kiểm tra việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; giám sát các nguồn gây ô nhiễm nguồn nước.

- Xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước; xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn nước và chế độ chia sẻ thông tin kịp thời giúp đơn vị cấp nước chủ động khắc phục các rủi ro về nguồn nước.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra và xử lý các vi phạm về hành lang bảo vệ nguồn nước, xả thải gây ô nhiễm nguồn nước cấp nước sinh hoạt và ăn uống.

- Báo cáo tổng kết và lập kế hoạch hàng năm việc quản lý và bảo vệ tài nguyên nước có liên quan đến việc thực hiện cấp nước an toàn và gửi Bộ Xây dựng để tổng hợp.

đ) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính căn cứ vào nội dung của Chương trình, trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, các bộ, ngành, địa phương, cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển, kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

e) Các bộ, ngành có liên quan khác:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ Chính phủ giao, các bộ, ngành có liên quan phối hợp với Bộ Xây dựng triển khai thực hiện Chương trình.

g) Hội Cấp thoát nước Việt Nam:

- Tham gia, phối hợp với Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan trong công tác đào tạo, phổ biến, tuyên truyền; tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ kinh nghiệm về cấp nước an toàn cho các đơn vị cấp nước;

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước nghiên cứu, xây dựng bộ chỉ số kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn.

- Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, khoa học công nghệ, tài chính, đào tạo nguồn nhân lực, thông tin để thực hiện Chương trình.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Thành lập hoặc hoàn thiện tổ chức hoạt động Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch cấp tỉnh.

- Nghiên cứu, xây dựng các quy định và hướng dẫn cụ thể về thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn phù hợp với địa phương theo thẩm quyền; nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích và khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác cung cấp dịch vụ bảo đảm cấp nước an toàn.

- Tổ chức phê duyệt kế hoạch và lộ trình thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn theo thẩm quyền; kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng, tiến độ, hiệu quả việc thực hiện cấp nước an toàn.

- Tổ chức, phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền bảo vệ nguồn nước, hướng dẫn người dân về việc lưu trữ, sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh.

- Xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 32 Luật tài nguyên nước.

- Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ, phòng ngừa các nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, khu vực bảo vệ nguồn nước, xử lý kịp thời các sự cố, vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước và mất an toàn hệ thống cấp nước.

- Chỉ đạo Sở Y tế phối hợp với các Sở, ngành liên quan tăng cường thanh tra, kiểm tra chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt.

- Huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện các nội dung Chương trình thuộc nhiệm vụ do địa phương quản lý.

- Giao Sở Xây dựng là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; các cơ quan chuyên môn trực thuộc tỉnh, thành phố triển khai thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ.

- Định kỳ báo cáo Bộ Xây dựng, Ban Chỉ đạo Chương trình về tình hình thực hiện Chương trình.

4. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước

- Lập và triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn các hệ thống cấp nước do đơn vị quản lý theo lộ trình được phê duyệt; tổ chức giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện cấp nước an toàn; cập nhật, bổ sung kế hoạch cấp nước an toàn cho giai đoạn sau.

- Bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước; phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, rà soát, đánh giá các tác động ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước; nghiên cứu, đề xuất biện pháp quản lý các nguồn gây ô nhiễm; lựa chọn nguồn nước khai thác lâu dài, dự phòng; thông báo kịp thời tình hình chất lượng nước cấp trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đầu tư, cải tạo công trình cấp nước; nâng cấp trang thiết bị giám sát, điều khiển hệ thống cấp nước; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ xử lý nước trong điều kiện suy thoái chất lượng nguồn nước và xâm nhập mặn; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước.

- Xây dựng quy trình quản lý, ứng phó, khắc phục rủi ro; bố trí nguồn nhân lực, trang thiết bị kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố nhằm giảm thời gian ngừng cấp nước và đáp ứng yêu cầu cung cấp nước ổn định.

- Xây dựng chương trình đào tạo, nâng cao năng lực thực hiện cấp nước an toàn cho cán bộ, người lao động của đơn vị.

- Tổ chức tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước sạch tiết kiệm và an toàn.

- Báo cáo định kỳ tình hình triển khai thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn đến Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn cấp tỉnh và Sở Xây dựng.

5. Trách nhiệm của cộng đồng

Cộng đồng dân cư, hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ nguồn nước, bảo vệ hệ thống cấp nước, bảo vệ môi trường, sử dụng nước tiết kiệm; giám sát, kiểm tra chất lượng nước; phát hiện và thông báo, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm nhằm đảm bảo thực hiện cấp nước an toàn.

**Đ u 3.** Q ết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ tr ng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Ch ịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Hội Cấp thoát nước Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTN (3b).KN 234

**KT. THỦ TƯỚNG**
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Trịnh Đình Dũng**